

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Kim Phương

Bà Lê Thị Chúc Ngân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hà Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thái Trần Diễm Th sinh năm 1993

Địa chỉ: Số A - Trần Hưng Đạo, tổ 1, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
(Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh C sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

3. *Người làm chứng:*

- Bà Lê Thị K sinh năm 1960

Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Q sinh năm 1976

Địa chỉ: Số B, tổ 1, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Anh Thái Trần Kha D sinh năm 1996

Địa chỉ: Số A - Trần Hưng Đạo, tổ 1, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 01 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Thái Trần Diễm Th trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Thái Trần Diễm Th và anh Nguyễn Thanh C quen biết, tìm hiểu và yêu nhau được khoảng sáu tháng thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/5/2013.

Theo chị Th, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng gần hai năm, đến khoảng đầu năm 2015 thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh C không đi làm để phụ giúp chị Th lo cho gia đình, chị Th đã nhiều lần khuyên anh C thay đổi nhưng mỗi lần nói chuyện vợ chồng lại lớn tiếng cãi nhau, thậm chí xúc phạm nhau làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt mà không thể hàn gắn được, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ khoảng cuối năm 2016 cho đến nay, vợ chồng đã không còn sống chung nhà với nhau, không ai quan tâm đến ai và không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Khoảng giữa năm 2019, chị Th đã nộp đơn ly hôn với anh C tại Tòa án nhưng do bận công việc không thể đến Tòa án làm việc được nên chị Th đã rút đơn khởi kiện. Nay chị Th nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh C.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thái Bảo Tr, sinh ngày 03/02/2014, hiện con chung đang sống với chị Th. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị Th không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Thái Trần Diễm Th khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Thái Trần Diễm Th khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai đề ngày 08 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - anh Nguyễn Thanh C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh C thừa nhận anh và chị Thái Trần Diễm Th yêu nhau được khoảng gần hai năm thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/5/2013.

Anh C thừa nhận vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng hai năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng mâu thuẫn trong việc phát triển kinh tế gia đình do chị Th tự ý bỏ đi hợp tác lao động ở nước ngoài suốt bốn năm mà không hỏi ý kiến của anh C. Trong khoảng thời gian sống xa nhau làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt dần và cũng từ đó anh C không còn liên lạc với chị Th.

Nay chị Th yêu cầu ly hôn, anh C không đồng ý vì anh C xác định vẫn còn tình cảm với chị Th và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Anh C thừa nhận vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thái Bảo Tr, sinh ngày 03/02/2014, hiện con chung đang sống với chị Th. Khi ly hôn, anh C yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh C không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh C khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Thanh C khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cả nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng đều không đến tham dự phiên tòa (nguyên đơn và người làm chứng (bà Q, anh D) có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn và người làm chứng (bà K) vắng mặt không rõ lý do) nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Thái Trần Diễm Th và anh Nguyễn Thanh C được ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thái Bảo Tr, sinh ngày 03/02/2014 cho chị Th được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn - chị Thái Trần Diễm Th có yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn - anh Nguyễn Thanh C. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định anh C có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa (nguyên đơn và người làm chứng (bà Q, anh D) có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn và người làm chứng (bà K) vắng mặt không rõ lý do). Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Thái Trần Diễm Th và anh Nguyễn Thanh C tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/5/2013 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị Th và anh C đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình; sự việc này được anh C thừa nhận và phù hợp với lời khai của những người làm chứng cũng như kết quả xác minh ngày 18/01/2022 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T: “... *Hiện chị Th và anh C không còn sống chung với nhau (từ năm 2016 đến nay) ... Ủy ban nhân dân xã chỉ biết chị Th và anh C cãi vã qua lại nhưng không nhờ địa phương can thiệp hòa giải ...*”. Xét mâu thuẫn giữa chị Th và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Th là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu đoàn tụ của bị đơn: Anh C xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh sau khi kết hôn khoảng hai năm và anh C không còn liên lạc với chị Th từ thời gian đó cho đến nay nhưng anh C không đồng ý ly hôn vì anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Th. Tuy nhiên, anh C không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị Th và không được chị Th đồng ý. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng anh C đều không đến thể hiện việc anh C không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị Th nên yêu cầu của anh C là không có cơ sở và không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị Th và anh C có một con chung là cháu Nguyễn Thái Bảo Tr, sinh ngày 03/02/2014.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hiện con chung đang sống cùng với chị Th, yêu cầu của chị Th phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử xét cần giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu của bị đơn: Anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nhưng hiện anh C không trực tiếp nuôi con. Xét yêu cầu của anh C không phù hợp với thực tế và nguyện vọng của con chung cũng như nhận định trên nên không được chấp nhận.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Chị Th hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng chị Th không yêu cầu nên tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Th và anh C xác định không có nợ chung, về tài sản chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp các đương sự không tự thỏa thuận được và có yêu cầu thì được quyền liên hệ với Tòa án có thẩm quyền để khởi kiện bằng một vụ kiện khác về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

[3] **Về án phí**: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo**: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9; Điều 11; Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Thái Trần Diễm Th.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Thái Trần Diễm Th và anh Nguyễn Thanh C được ly hôn.

2. *Về con chung*:

2.1. Giao cháu Nguyễn Thái Bảo Tr, sinh ngày 03/02/2014 cho chị Thái Trần Diễm Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Anh Nguyễn Thanh C được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Tạm thời anh Nguyễn Thanh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Thái Trần Diễm Th không yêu cầu.

3. *Về án phí*: Chị Thái Trần Diễm Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0003483 ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Thái Trần Diễm Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã X, huyện Thống Nhất;
(GNCKH số 46/2013)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang